

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 31,400 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -2.2% | -32.8% | -29.6% |

| | | |
|-------|------|-------------------|
| Q3/24 | | |
| ROE | 4.5% | +/- YoY ▼ 1.1% |

| | | |
|----------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| DT thuần | 292 | QoQ ▼ 70.0 ▼ 19.5% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▲ 81.0 ▲ 38.2% |

| | | |
|----------|-----|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| DT thuần | 892 | YoY ▲ 411 ▲ 85.7% |

| | | |
|--------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN gộp | 53.3 | QoQ ▲ 12.9 ▲ 31.9% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▲ 17.0 ▲ 46.8% |

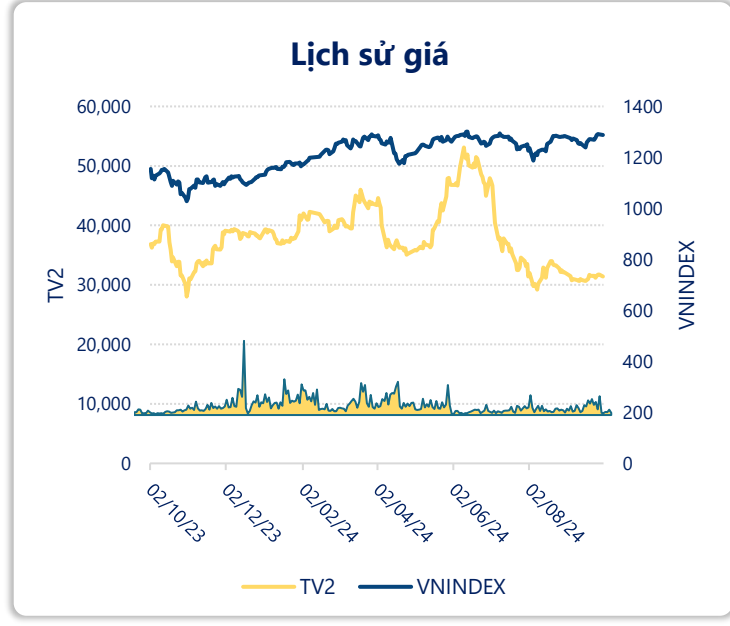
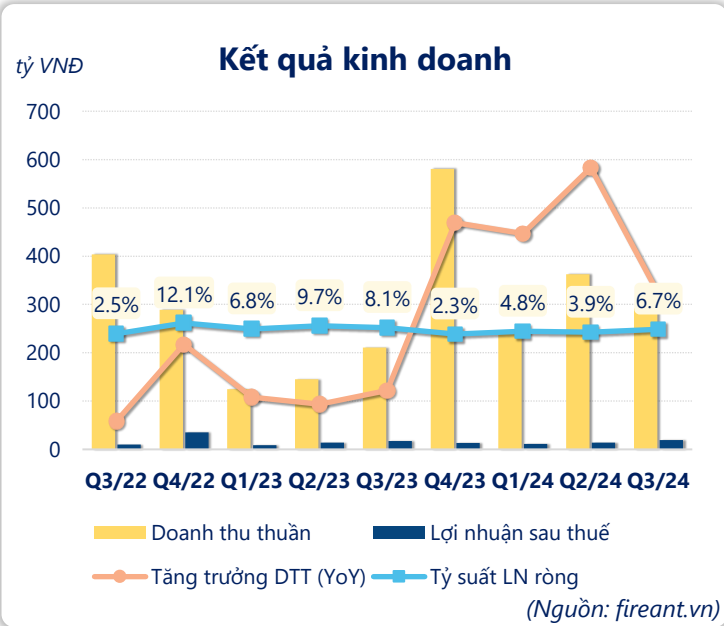
| | | |
|---------|-----|--------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN gộp | 129 | YoY ▲ 29.4 ▲ 29.5% |

| | | |
|----------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN thuần | 25.3 | QoQ ▲ 6.60 ▲ 35.4% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▲ 4.40 ▲ 21.2% |

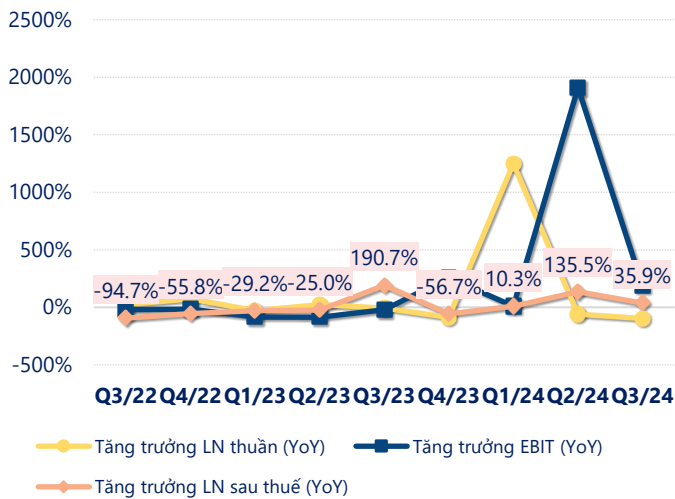
| | | |
|----------|------|--------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN thuần | 57.8 | YoY ▲ 10.7 ▲ 22.7% |

| | | |
|-------------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN sau thuế | 19.4 | QoQ ▲ 5.40 ▲ 38.6% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▲ 2.30 ▲ 13.5% |

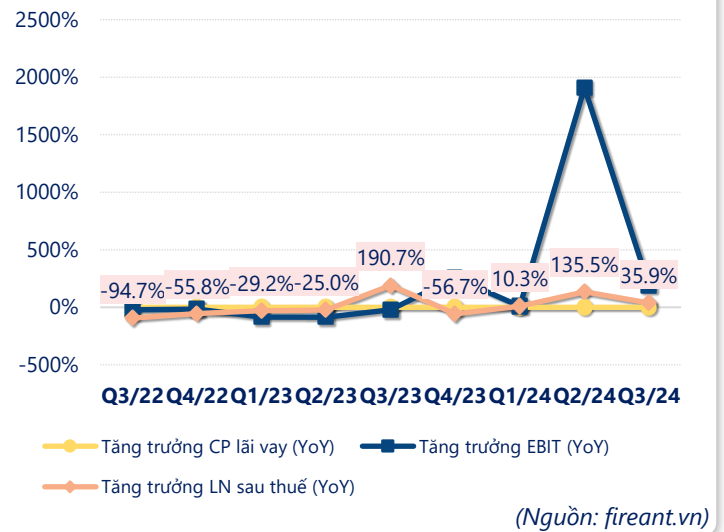
| | | |
|-------------|------|--------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN sau thuế | 44.8 | YoY ▲ 5.20 ▲ 13.1% |



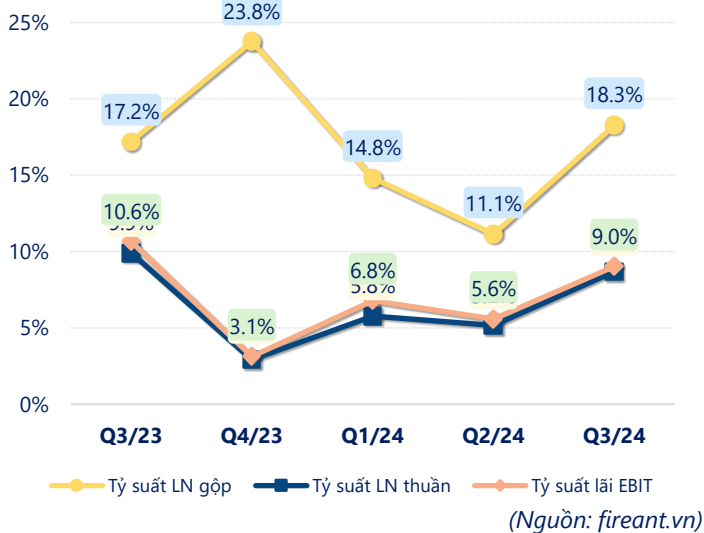
Tăng trưởng lợi nhuận



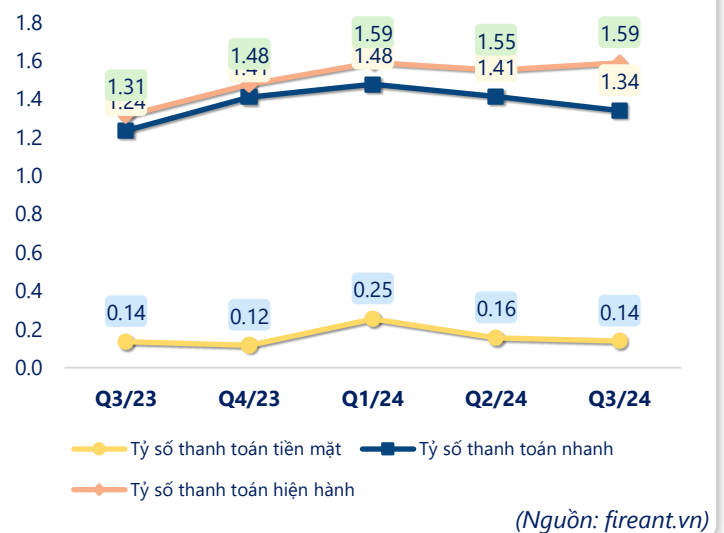
Tăng trưởng chi phí



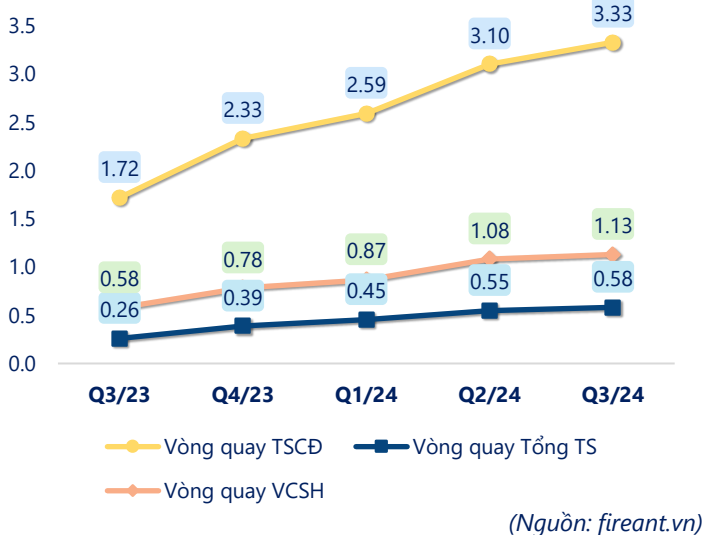
Tỷ suất lợi nhuận



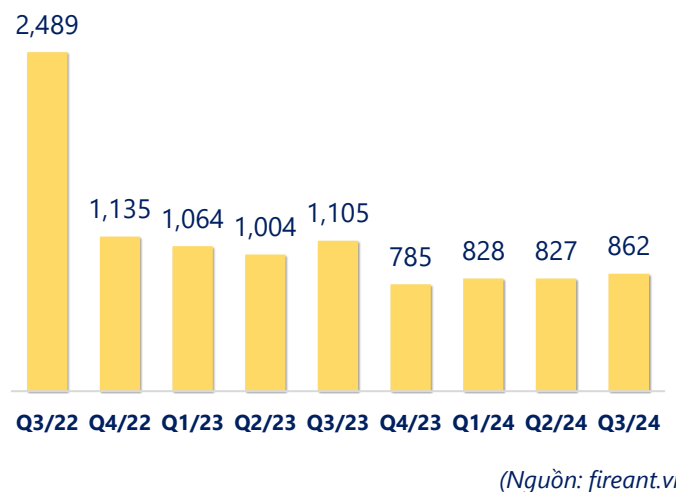
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 292 | 211 | 38.2% | 892 | 481 | 85.7% |
| Giá vốn hàng bán | 238 | 175 | 36.1% | 763 | 381 | 100% |
| Lợi nhuận gộp | 53.3 | 36.3 | 46.8% | 129 | 99.6 | 29.5% |
| Doanh thu HĐTC | 4.22 | 7.48 | -43.5% | 13.3 | 18.5 | -28.1% |
| Chi phí TC | 2.09 | 3.22 | -35.0% | 16.0 | 7.40 | 116% |
| Chi phí lãi vay | 2.00 | 1.51 | 32.6% | 6.38 | 5.32 | 20.0% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0.70 | 0.05 | 1292% | 3.98 | 0.12 | 3321% |
| Chi phí QLDN | 29.4 | 19.6 | 50.0% | 64.6 | 63.5 | 1.7% |
| LN thuần từ HĐKD | 25.3 | 20.9 | 21.2% | 57.8 | 47.1 | 22.7% |
| Lợi nhuận khác | -1.02 | 0.04 | -2639% | -1.40 | 1.78 | -179% |
| LN trước thuế | 24.3 | 21.0 | 15.8% | 56.4 | 48.9 | 15.4% |
| Lợi nhuận sau thuế | 19.4 | 17.1 | 13.5% | 44.8 | 39.6 | 13.1% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 19.4 | 17.1 | 13.5% | 44.8 | 39.6 | 13.1% |

(Nguồn: fireant.vn)

